

uigeli.xyz
ĐỀ ÔN TẬP GIỮA KỲ I - SINH HỌC 10
NĂM HỌC 2022-2023

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Câu 1. Hội nghị Thượng đỉnh năm 1992 về Môi trường và Phát triển tại Brazil đã đưa ra định nghĩa về phát triển bền vững là

- A. sự phát triển nhằm thỏa mãn nhu cầu lợi ích của thế hệ hiện tại và các thế hệ tương lai.
- B. sự phát triển chỉ nhằm thỏa mãn nhu cầu của các thế hệ tương lai nhưng không làm ảnh hưởng đến khả năng thỏa mãn nhu cầu của thế hệ hiện tại.
- C. sự phát triển nhằm thỏa mãn nhu cầu của thế hệ hiện tại nhưng không làm ảnh hưởng đến khả năng thỏa mãn nhu cầu của các thế hệ tương lai.
- D. sự phát triển nhằm thỏa mãn nhu cầu của các thế hệ tương lai

Câu 2. Những nghề nào sau đây thuộc ngành Y học?

- A. Bác sĩ, y sĩ, y tá, công nhân.
- B. Y tá, y sĩ, bác sĩ, hộ lí.
- C. Lập trình viên, nhân viên xét nghiệm.
- D. Bảo vệ, kĩ thuật viên, y tá.

Câu 3. Cho các bước trong phương pháp làm việc trong phòng thí nghiệm:

- (1) Chuẩn bị các thiết bị, dụng cụ, hóa chất và mẫu vật để làm thí nghiệm
- (2) Báo cáo kết quả thí nghiệm
- (3) Vệ sinh dụng cụ, phòng thí nghiệm
- (4) Tiến hành thí nghiệm theo đúng quy trình và thu thập dữ liệu từ kết quả thí nghiệm

Thứ tự các bước đúng là:

- A. (1) -> (2) -> (3) -> (4)
- B. (3) -> (2) -> (4) -> (1)
- C. (1) -> (4) -> (2) -> (3)
- D. (1) -> (2) -> (3) -> (4)

Câu 4. Có các cấp độ tổ chức cơ bản của thế giới sống như sau:

- (1) Cơ thể. (2) tế bào (3) quần thể (4) quần xã (5) hệ sinh thái
- Các cấp độ tổ chức sống trên được sắp xếp theo đúng nguyên tắc thứ bậc là
- A. 2 → 1 → 3 → 4 → 5
- B. 1 → 2 → 3 → 4 → 5
- C. 5 → 4 → 3 → 2 → 1
- D. 2 → 3 → 4 → 5 → 1

Câu 5. Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về nguyên tắc thứ bậc của các cấp độ tổ chức sống?

- A. Tổ chức sống cấp dưới sẽ làm cơ sở để hình thành nên tổ chức sống cấp trên.
- B. Tất cả các cấp độ tổ chức sống đều được hình thành từ các nguyên tử.
- C. Tế bào là đơn vị cơ sở hình thành nên cơ thể sinh vật.
- D. Các cấp độ tổ chức sống được sắp xếp từ thấp đến cao dựa trên số lượng và kích thước của chúng.

Câu 6. Đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể sống là gì?

- A. Tế bào. B. Mô. C. Cơ quan. D. Hệ cơ quan.

Câu 7. ?

- A. Là đơn vị cấu tạo cơ bản của sự sống. B. Là đơn vị chức năng của tế bào sống.
- C. Được cấu tạo từ các mô. D. Được cấu tạo từ các phân tử, đại phân tử vào bào quan.

Câu 8. Nguyên tố nào sau đây có vai trò đặc biệt quan trọng với sự sống?

- A. H. B. S. C. C. D. O.

Câu 9. Khi nói về vai trò của các nguyên tố hoá học, có bao nhiêu phát biểu sau đây không đúng?

- (1) Các nguyên tố vi lượng là thành phần cấu tạo nên các đại phân tử như protein, lipid,...

- (2) Mg là nguyên tố tham gia cấu tạo nên diệp lục tố.
 (3) Các nguyên tố vi lượng có vai trò chủ yếu là hoạt hoá các enzyme.
 (4) Sinh vật chỉ có thể lấy các nguyên tố khoáng từ các nguồn dinh dưỡng.
 A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 10. Phân tử nào sau đây là phân tử sinh học

- A. Carbon dioxide. B. Lipid. C. Nước. D. Bạc nitrate.

Câu 11. Chất nào sau đây có nhiều trong trứng, thịt và sữa?

- A. Protein. B. Tinh bột. C. Cellulose. D. DNA.

Câu 12. Một nucleotide chứa một gốc pentose (Deoxyribose hoặc Ribose), một nhóm phosphate và

- A. một gốc acid. B. một nitrogenous base.
 C. một gốc amino acid. D. một gốc glycerol.

Câu 13. Sự ghép đôi của hai sợi DNA được thực hiện bởi

- A. liên kết cộng hóa trị giữa hai base purine.
 B. liên kết hydrogen giữa cytosine và guanine.
 C. liên kết hydrogen giữa base purine và base pyrimidine.
 D. liên kết cộng hóa trị giữa adenine và thymine.

Câu 14. Khi phân tích thành phần carbohydrate ở tế bào gan, loại polysaccharide dự trữ năng lượng chiếm hàm lượng đáng kể là

- A. tinh bột. B. glycogen. C. cellulose. D. pectin.

Câu 15. Hãy cho biết mẫu vật nào dùng để nhận biết lipid trong tế bào?

- A. Củ cải đường, nho. B. Hạt lạc.
 C. Trứng gà, sữa bò. D. Khoai tây, gạo.

Câu 16. Khi cho iodine vào các ống nghiệm sau đây, ống nào sẽ xuất hiện màu xanh tím?

- A. Ống chứa dịch nghiền củ khoai tây đun sôi B. Ống chứa hồ tinh bột đang
 C. Ống chứa nước thịt D. Ống chứa mỡ động vật

B. TỰ LUẬN: (6 điểm)

ĐỀ 1:

Câu 1. (2,0đ)

- a. Tại sao nói tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể sống?
 b. Hãy cho biết điểm khác nhau giữa một sinh vật đơn bào và một tế bào trong cơ thể sinh vật đa bào.

Câu 2. (3,0đ) Kể tên một bệnh do thiếu nguyên tố đại lượng, 2 bệnh do thiếu nguyên tố vi lượng ở sinh vật và nêu cách phòng những bệnh đó.

Câu 3. (1,0đ) Để giảm béo, nhiều người đã cắt bỏ hoàn toàn Lipid trong khẩu phần ăn. Theo em điều này nên hay không nên? Dưới góc độ sinh học, chúng ta cần làm gì để duy trì cân nặng với một cơ thể khỏe mạnh?

ĐỀ 2

Câu 1. (2,0đ) Hãy trình bày nội dung của học thuyết tế bào? (2điểm)

Câu 2. (2,0đ)

- a. Tại sao các nguyên tố vi lượng chiếm một tỉ lệ rất nhỏ nhưng không thể thiếu?
 b. Trình bày vai trò sinh học của nước trong tế bào

Câu 3: X là một loại đường đơn rất quan trọng đối với sức khỏe vì đây là nguồn năng lượng cần thiết giúp cho các tế bào trong cơ thể hoạt động bình thường, đặc biệt là tế bào não. Tuy nhiên, nếu cơ chế kiểm soát hàm lượng X trong cơ thể bị rối loạn dẫn đến hàm lượng chất X trong máu tăng cao sẽ gây ra bệnh tiểu đường.

- a.** Chất X là loại đường nào? Chế độ ăn uống như thế nào sẽ khiến hàm lượng chất X trong máu tăng cao?
- b.** Hãy đề xuất một số biện pháp phòng tránh bệnh tiểu đường?

A. Trắc nghiệm

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
ĐÁP ÁN	C	B	C	A	A	A	C	C	A	B	A	B	C	B	B	A

B. Tự luận

Đề 1:

CÂU HỎI	GỢI Ý ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Câu 1. a. Tại sao nói tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể sống? (1.5 điểm) b. Hãy cho biết điểm khác nhau giữa một sinh vật đơn bào và một tế bào trong cơ thể sinh vật đa bào.	a. - Mọi sinh vật sống đều được cấu tạo từ tế bào. - Các hoạt động sống của cơ thể đều diễn ra trong tế bào. - Mọi hoạt động sống của cơ thể là sự phối hợp hoạt động của các tế bào. b. - Các sinh vật đơn bào dù chỉ được cấu tạo từ một tế bào nhưng vẫn đảm nhiệm chức năng của một cơ thể (trao đổi chất và năng lượng, sinh sản...) - Đối với cơ thể sinh vật đa bào: các hoạt động sống của cơ thể là sự phối hợp hoạt động của các tế bào khác nhau.	0.5 0.5 0.5 0.25 0.25
Câu 2. Kể tên một bệnh do thiếu nguyên tố đại lượng, 2 bệnh do thiếu nguyên tố vi lượng ở sinh vật và nêu cách phòng những bệnh đó. (3 điểm)	- Bệnh do thiếu nguyên tố đại lượng: + Kể được tên bệnh do thiếu nguyên tố gì. + Cách phòng ngừa - Bệnh do thiếu nguyên tố vi lượng: 2 bệnh + Kể được tên bệnh do thiếu nguyên tố gì. + Cách phòng ngừa <i>(Mỗi bệnh 1 điểm)</i>	0.5 0.5 2.0
Câu 3. Để giảm béo, nhiều người đã cắt bỏ hoàn toàn Lipid trong khẩu phần ăn. Theo em điều này nên hay không nên? Dưới góc độ sinh học, chúng ta cần làm gì để duy trì cân nặng với một cơ thể khỏe mạnh?	Không nên cắt giảm hoàn toàn mà chỉ hạn chế, bởi vì: + Lipid không chỉ là nguồn sinh năng lượng quan trọng mà còn tham gia vào nhiều hoạt động sinh lý của cơ thể (<i>là dung môi để hòa tan các vitamin thiết yếu cho cơ thể như A, D, E, K,... và các acid béo như omega 3, omega 6,... Bên cạnh đó, chất béo cũng tham gia vào cấu tạo các tế bào, đặc biệt là các tổ chức não bộ.</i>) + Vì vậy, nếu cắt giảm hoàn toàn Lipid trong chế độ dinh dưỡng thì ảnh hưởng đến các	0.25 0.25 0.5

CÂU HỎI	GỢI Ý ĐÁP ÁN	ĐIỂM
	<p>hoạt động sống đồng thời thiếu hụt nguyên liệu để xây dựng cấu trúc tế bào,... dẫn đến ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe.</p> <p>- Dưới góc độ sinh học, chúng ta cần duy trì cân nặng bằng cách cân bằng giữa lượng năng lượng hấp thu và lượng năng lượng sử dụng. Cụ thể, nên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Theo dõi cân nặng và lượng năng lượng tiêu thụ + Ăn uống lành mạnh, cân đối + Tạo thói quen ăn đúng giờ, không thức quá khuya + Tập thể dục thường xuyên để duy trì cân nặng + Kiểm soát stress để tránh tăng cân + Hạn chế uống rượu, bia để duy trì cân nặng + ... 	

Đề 2:

CÂU HỎI	GỢI Ý ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Câu 1. Hãy trình bày nội dung của học thuyết tế bào? (2điểm)	<p>Nội dung của học thuyết tế bào:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tất cả các sinh vật đều được cấu tạo từ tế bào. + Các tế bào là đơn vị cơ sở của cơ thể sống. + Tất cả các tế bào được sinh ra từ các tế bào trước đó bằng cách phân chia tế bào. + Các tế bào có thành phần hóa học tương tự nhau, có vật chất di truyền là DNA. + Hoạt động sống của tế bào là sự phối hợp hoạt động của các bào quan trong tế bào. 	<p>0.5</p> <p>0.5</p>
<p>Câu 2.</p> <p>a. Tại sao các nguyên tố vi lượng chiếm một tỉ lệ rất nhỏ nhưng không thể thiếu?</p> <p>b. Trình bày vai trò sinh học của nước trong tế bào</p>	<p>a. Các nguyên tố vi lượng là những nguyên tố chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ hơn 0.01% khối lượng cơ thể sống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm nguyên tố vi lượng: Fe, I, Mo, Zn, Cu,... - Là thành phần cấu tạo nên hầu hết các enzyme, hoạt hóa enzyme và nhiều hợp chất hữu cơ tham gia vào các hoạt động sống của cơ thể (hormone, vitamin, hemoglobin,...). 	<p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>

	<p>b. Nước có nhiều vai trò quan trọng đối với tế bào:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Là thành phần chính cấu tạo nên tế bào; + Là dung môi hoà tan nhiều chất cần thiết, vừa là nguyên liệu; + Là môi trường cho nhiều phản ứng sinh hoá xảy ra trong tế bào để duy trì sự sống; + Nước còn đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự cân bằng và ổn định nhiệt độ của tế bào và cơ thể. 	
<p>Câu 3: X là một loại đường đơn rất quan trọng đối với sức khoẻ vì đây là nguồn năng lượng cần thiết giúp cho các tế bào trong cơ thể hoạt động bình thường, đặc biệt là tế bào não. Tuy nhiên, nếu cơ chế kiểm soát hàm lượng X trong cơ thể bị rối loạn dẫn đến hàm lượng chất X trong máu tăng cao sẽ gây ra bệnh tiểu đường.</p> <p>a. Chất X là loại đường nào? Chế độ ăn uống như thế nào sẽ khiến hàm lượng chất X trong máu tăng cao?</p> <p>b. Hãy đề xuất một số biện pháp phòng tránh bệnh tiểu đường?</p>	<p>a) X là glucose. Chế độ ăn uống sẽ khiến hàm lượng chất X trong máu tăng cao: ăn nhiều các loại thức ăn chứa carbohydrate (tinh bột, ngũ cốc, trái cây,...).</p> <p>b) Đề xuất một số biện pháp phòng tránh bệnh tiểu đường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế ăn các loại thức ăn có chứa hàm lượng đường cao như bánh kẹo, nước ngọt,... - Ăn nhiều rau, củ để hỗ trợ tiêu hóa và kiểm soát cân nặng. - Hạn chế ăn các loại thức ăn được chế biến sẵn. - Thường xuyên tập thể dục thể thao. 	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p>

**MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ THAM KHẢO
MÔN SINH HỌC LỚP 10**

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu hỏi		Thời gian (phút)	% tổng điểm
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Mở đầu	1.1. Giới thiệu khái quát chương trình môn Sinh học	2	1.5							2	0	1.5	0.5
		1.2 Các phương pháp nghiên cứu và học tập môn Sinh học	1	0.75							1	0	0.75	0.25
		1.3 Các cấp độ tổ chức của thế giới sống	2	1.5							2	0	1.5	0.5
2	Sinh học tế bào	2.1 Khái quát về tế bào	2	1.5			1	12			2	1	13.5	2.5
		2.2 Các nguyên tố hóa học và nước.	2	1	1	12					2	1	13	3.5
		2.3 Các phân tử sinh học trong tế bào	5	3.75					1	12	5	1	12.75	2.25
		2.4 Thực hành	2	1.5							2	0	1.5	0.5
Tổng			16	12	1	12	1	12	1	9	16	3	45	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu hỏi		Thời gian (phút)	% tổng điểm
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
Tỉ lệ (%)			40		30		20		10		40	60	100	
Tỉ lệ chung (%)			40		60									

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Mở đầu	1.1. Giới thiệu khái quát chương trình môn Sinh học	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được định nghĩa về phát triển bền vững (Câu 1 - TN) - Nêu được đối tượng và các lĩnh vực nghiên cứu của Sinh học (Câu 2 - TN) - Nêu được triển vọng phát triển sinh học trong tương lai. - Kể được tên các ngành nghề liên quan đến sinh học và ứng dụng sinh học. Thông hiểu <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được mục tiêu của môn Sinh học. - Trình bày được vai trò của sinh học trong phát triển bền vững môi trường sống. Vận dụng <p>Phân tích được mối quan hệ giữa sinh học với những vấn đề xã hội: đạo đức sinh học, kinh tế, công nghệ.</p> Vận dụng cao <p>Giải thích được vì sao Công nghệ sinh học được xem là ngành học tương lai.</p>	1			
		1.2. Các phương pháp nghiên cứu và học tập môn Sinh học	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các phương pháp nghiên cứu và học tập môn sinh học - Nêu được một số vật liệu, thiết bị nghiên cứu và học tập môn Sinh học. - Nêu được trình tự các bước trong phương pháp làm việc trong phòng thí nghiệm (Câu 	1			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			3 - TN) - Kể tên được các kĩ năng trong tiến trình nghiên cứu môn Sinh học. Thông hiểu - Trình bày được một số phương pháp nghiên cứu sinh học. - Trình bày được phương pháp tin sinh học như một công cụ trong nghiên cứu và học tập môn Sinh học. Vận dụng Vận dụng được một số phương pháp nghiên cứu sinh học. Vận dụng cao Giải thích được tầm quan trọng của phẩm chất trung thực trong nghiên cứu khoa học				
		1.3. Các cấp độ tổ chức của thế giới sống	Nhận biết - Phát biểu được khái niệm cấp độ tổ chức sống - Liệt kê được các cấp tổ chức cơ bản của thế giới sống. - Sắp xếp được các cấp tổ chức sống cơ bản theo nguyên tắc thứ bậc (Câu 4 - TN) - Nêu được đặc điểm của các cấp tổ chức sống (Câu 5 - TN) Thông hiểu Trình bày được các đặc điểm chung của các cấp độ tổ chức sống. Vận dụng và vận dụng cao	2			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Giải thích được mối quan hệ giữa các cấp độ tổ chức sống, cho được ví dụ về các đặc điểm của các cấp tổ chức sống.				
2	Sinh học tế bào	2.1. Khái quát về tế bào	Nhận biết - Biết được tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể sống (Câu 6 - TN) - Kể tên được các sinh vật có cấu tạo từ tế bào. (Câu 7 - TN) Thông hiểu - Trình bày được khái quát học thuyết tế bào. - Trình bày được ý nghĩa của học thuyết tế bào. Vận dụng - So sánh sự khác nhau của một sinh vật đơn bào và một tế bào trong cơ thể sinh vật đa bào (Câu 1 - TL) - Giải thích được tế bào là đơn vị đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể sống. (Câu 1 - TL) Vận dụng cao Chứng minh tế bào là đơn vị nhỏ nhất có đầy đủ các đặc trưng cơ bản của sự sống.	2		1	
		2.2 Các nguyên tố hóa học và nước	Nhận biết - Liệt kê được một số nguyên tố hoá học chính có trong tế bào (C, H, O, N, S, P). (Câu 8 - TN) - Nêu được vai trò của các nguyên tố vi				

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			<p>lượng, đa lượng trong tế bào. (Câu 9 - TN)</p> <p>- Nêu được vai trò quan trọng của nguyên tố carbon trong tế bào (cấu trúc nguyên tử C có thể liên kết với chính nó và nhiều nhóm chức khác nhau).</p> <p>Thông hiểu</p> <p>- Trình bày được đặc điểm cấu tạo phân tử nước quy định tính chất vật lí, hoá học và sinh học của nước, từ đó quy định vai trò sinh học của nước trong tế bào.</p> <p>- Trình bày được vai trò của một số nguyên tố vi lượng, hậu quả khi thiếu nguyên tố vi lượng (Câu 2 - TL)</p> <p>Vận dụng</p> <p>Áp dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn: Đa dạng thức ăn và thường xuyên thay đổi món ăn</p> <p>Vận dụng cao</p> <p>Giải thích được một số hiện tượng thực tế như: Sau đợt băng giá cây bị chết, ...</p>		1		
		2.3. Các phân tử sinh học trong tế bào	<p>Nhận biết</p> <p>- Nêu được khái niệm phân tử sinh học.</p> <p>- Liệt kê được các phân tử sinh học. (Câu 10 - TN), (Câu 11 - TN)</p> <p>- Nêu được thành phần cấu tạo (các nguyên tố hoá học và đơn phân) của các phân tử sinh học. (Câu 12 - TN)</p> <p>- Nêu được 1 số nguồn thực phẩm cung cấp</p>	5			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			<p>các phân tử sinh học cho cơ thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên tắc cấu tạo và đặc điểm cấu tạo của các phân tử sinh học (carbohydrate, lipid, protein, nucleid acid) (Câu 13 - TN) - Nêu được vai trò của các phân tử sinh học (đơn phân, đa phân) trong tế bào. (Câu 14 - TN) <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được điểm giống và khác nhau của các loại carbohydrate - Trình bày được vai trò của các phân tử sinh học, các đơn phân cấu tạo nên các phân tử sinh học - Phân biệt được cấu trúc và chức năng của các loại RNA (mRNA, tRNA, rRNA). <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh được DNA và RNA - Giải thích được 1 số hiện tượng thực tế thông qua vận dụng được kiến thức về thành phần hoá học của tế bào. - Nhận dạng thực tế các nhóm đường, các sắc tố có bản chất là lipit. <p>Vận dụng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vai trò của các phân tử sinh học đối với tế bào, cơ thể. Từ đó đề xuất một số biện pháp phòng bệnh liên quan và chế độ ăn uống phù hợp. (Câu 3 - 				1

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			TL) - Nhận diện và giải thích được các loại vật chất di truyền ở sinh vật dựa vào đặc trưng của DNA, RNA - Vận dụng kiến thức về cấu tạo phân tử sinh học protein, nucleic acid để giải quyết một số dạng bài tập về tính tổng nucleotide, chiều dài, số liên kết hydrogen, thành phần các nucleotide...				
		Thực hành: Xác định 1 số thành phần hóa học trong tế bào	Nhận biết - Liệt kê được một số mẫu vật dùng để nhận biết các thành phần hoá học trong tế bào (Câu 15 - TN) Thông hiểu - Liệt kê được một số thuốc thử dùng để thực hiện thí nghiệm nhận biết các thành phần hoá học trong tế bào (Câu 16 - TN) Trình bày được các bước làm thí nghiệm - Nhận diện được một số thành phần hoá học trong tế bào từ các mẫu vật cho sẵn - Nêu được một số hiện tượng trong các tình huống thí nghiệm xác định một số thành phần hoá học của tế bào.	2			